

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **333/2019/DS-PT**

Ngày: 15/11/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vận chuyển”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Ông **Mai Hoàng Khải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vận chuyển tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 122/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2019/QĐ-PT ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TX 1, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đình Tiến K**, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn LC, xã A, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A là nguyên đơn trình bày:*

Anh là tài xế xe tải vận chuyển hàng hóa Bắc – Nam, xe biển số 29C – 450.75, tải trọng 26 tấn. Anh trực tiếp điều khiển và ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa cho bà X nhiều lần. Ngày 31/01/2018, anh có nhận vận chuyển ớt cho bà X từ xã An Thái Đông, huyện B đi Lạng Sơn, số lượng 2.880 rổ ớt tươi, giá cước phí vận chuyển là 80.000.000 đồng. Bà X đã trả trước 15.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng khi nào giao hàng đến nơi bà X sẽ thanh toán đủ. Hai bên có lập hợp đồng ngày 31/01/2018. Tại mục người thuê chở hàng, bà X ghi tên Đinh Tiến K và ký tên. Sau khi vận chuyển xong, phía bà X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho anh, đồng thời anh cung cấp chứng cứ là “Hợp đồng chở hàng đề ngày 31/01/2018”. Nay anh yêu cầu bà X phải trả cho anh số tiền cước phí vận chuyển còn nợ lại là 65.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Bà là chủ cơ sở đóng hàng. Vào ngày 31/01/2018, bà có giao 2.880 rổ ớt tươi cho anh Đinh Tiến K trị giá hàng hóa là 439.000.000 đồng, tiền vận chuyển từ xã An Thái Đ, huyện B đi Lạng Sơn là 80.000.000 đồng. Bà có ứng trước cho tài xế vận chuyển số tiền là 15.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng thì anh K có trách nhiệm thanh toán tiếp cho anh Văn A. Hợp đồng ngày 31/01/2018 mà anh Văn A cung cấp đúng là chữ viết của bà. Do bà đại diện anh K viết tên và ký tên của anh K. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Văn A vì số tiền này anh K có trách nhiệm trả cho anh Văn A.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh Tiến K bày:*

Anh và bà Nguyễn Thị X có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau. Anh là người thu mua ớt còn bà X là người gom hàng và vận chuyển ra cho anh. Theo thỏa thuận giữa hai bên khi mua bán thì anh có trách nhiệm chuyển tiền hàng cho bà X qua tài khoản trước, sau đó bà X đóng hàng và tự thuê xe vận chuyển hàng ra cho anh. Việc nguyên đơn kiện bà X là có căn cứ vì theo thỏa thuận bà X có trách nhiệm đóng gói hàng và trả tiền cho khách hàng cùng tiền thuê xe. Bản thân anh không có ký kết hợp đồng gì với người lái xe (Nguyên đơn). Việc bà X ký vào Hợp đồng ngày 31/01/2018 là không đúng theo thỏa thuận giữa anh và bà X nên bà X phải tự chịu trách nhiệm. Anh không có liên quan gì.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:**

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A.

- Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho anh Nguyễn Văn A số tiền là 65.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 25/7/2019, bị đơn Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Bà không đồng ý trả cho anh Văn A 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định quá trình thực hiện tố tụng, tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung qua vụ án cho thấy bà X là người trực tiếp giao kết hợp đồng, do đó bà phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ có liên quan. Án sơ thẩm xét xử là có cơ sở, bị đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được ý kiến của bản thân nên đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tranh luận của các đương sự và Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm do không đồng ý với kết quả bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo, thủ tục kháng cáo đầy đủ đúng thời gian theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng, đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết với quan hệ tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên ý chí của họ đã được thể hiện qua đơn yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Do thủ tục tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến xét xử tại phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Anh Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả 65.000.000 đồng tiền vận chuyển mà bà X còn thiếu. Bà X lại cho rằng trách nhiệm trả số tiền trên là của người nhận hàng, anh Đinh Tiến K. Thực tế cho thấy bà X là người thu gom hàng hóa bán cho anh Đinh Tiến K. Giao kết mua bán thực hiện qua điện thoại, bà X có trách nhiệm giao hàng đến Lạng Sơn cho anh K. Để chuyển giao hàng bà X đã trực tiếp ký hợp đồng vận chuyển với anh Nguyễn Văn A. Theo hợp đồng, anh A có trách nhiệm vận chuyển 2.880 rổ ớt

tươi đến Lạng Sơn giao cho anh K với giá cước vận chuyển là 80.000.000 đồng. Khi xe nhận đủ hàng bà X trả trước cho anh A 15.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán đủ khi anh K nhận hàng.

Anh Nguyễn Văn A đã thực hiện đầy đủ, đúng theo hợp đồng tuy nhiên số tiền vận chuyển còn lại là 65.000.000 đồng không ai thanh toán cho anh A. Bà X đổ trách nhiệm trả tiền cho anh Kỳ, anh Kỳ lại cho rằng tiền mua ớt anh đã thanh toán đủ cho bà X, tiền xe do bà X trả. Theo hợp đồng do nguyên đơn cung cấp cho thấy bà X là người trực tiếp giao kết. Tuy trong hợp đồng ghi người gửi và thuê chở hàng tên Đinh Tiến K. Thực tế, bà X thừa nhận bà giao kết và ký tên vào hợp đồng, việc ghi tên Đinh Tiến K cũng do bà ghi. Do bà X là người giao kết, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng, cấp sơ thẩm buộc bà X trả tiền cước vận chuyển cho anh A là có cơ sở. Riêng bà X cho rằng anh K còn thiếu tiền bà, xác định đây là quan hệ mua bán khác không liên quan đến hợp đồng vận chuyển, nên không được xem xét.

Do bà X kháng cáo nhưng không có cơ sở nên không được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với thực tế vụ án, phù hợp với pháp luật nên được công nhận.

Bà X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 122/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các Điều 530, Điều 534, Điều 536 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A.

- Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho anh Nguyễn Văn A số tiền là 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà X chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị X chịu 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà X đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002136 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang nên bà X còn nộp tiếp 3.250.000 đồng.

Hoàn lại cho anh A 1.625.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08339, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- CC THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Trung Hiếu